

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2024/DSST  
Ngày : 22 – 7 – 2024  
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

**- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Tình.
2. Ông Lê Đình Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Phương Thảo - C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 801/2023/TLST-DS ngày 13/12/2023 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2024/QĐST-DS ngày 01/7/2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trương Hồng M - Sinh năm: 1962 (có mặt).  
Trú tại: Số nhà 167/15 đường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**- Bị đơn:** Bà Lâm Thị T – sinh năm: 1979.

Trú tại: Số 287/76 đường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Quốc H – sinh năm: 2001 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 08 đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Hồng M trình bày:***

Tôi có mối quan hệ quen biết với cô Hà Thị T1(Sinh năm: 1991, Trú tại: Thôn T, xã L, huyện M, tỉnh Đắk Nông) và có nhận cô T1 là con nuôi. Thông qua cô T1, tôi có quen biết với bà Lâm Thị T và dần dần mối quan hệ này trở nên thân thiết. Đến khoảng tháng 5/2023, gia đình tôi gặp khó khăn về kinh tế, bà T biết

được thì có ý nói: Bà T sẽ giúp tôi xong hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T đang nằm trong ngân hàng và nhờ tôi vay giúp 135.000.000 đồng để trả vào ngân hàng. Sau khi đáo hạn xong sẽ trả cho tôi đồng thời giúp tôi vay 700.000.000 đồng để lo việc gia đình.

Vì tin tưởng vào lời nói của bà T nên ngày 15/5/2023, tôi có chuyển khoản cho bà T số tiền 135.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền của tôi, bà T không thực hiện đúng cam kết. Tôi có đòi nhiều lần nhưng bà T hứa hẹn và không trả. Đồng thời, bà T còn bịa lý do là số tiền này tôi trả nợ thay cho Hà Thị T1. Bản thân tôi và Hà Thị T1 không hề có bất cứ nội dung thoả thuận nào về việc tôi trả nợ thay cho T1. Phần tin nhắn giữa tôi và bà T đều thể hiện rõ ràng nội dung này. Cụ thể: Vào lúc 14 giờ 50 phút ngày 15/5/2023, tôi chuyển khoản cho bà T số tiền là 135.000.000 đồng. Ngay sau khi nhận được tiền của tôi vào lúc 14 giờ 54 phút, bà T đã trả lời tin nhắn “Ok anh”. Tuy nhiên, đến 20 giờ 14 phút cùng ngày, bà T lại nhắn tin “Em đã nhận khoản 135 triệu em T1 mượn á”. Bản thân tôi không liên quan đến các khoản vay nợ giữa T1 và bà T nên tôi đã gọi điện thoại lại để xác định nội dung này. Từ sau đó, tin nhắn giữa tôi và bà T đều thể hiện tôi không trả nợ thay cho T1.

Do vậy, nay tôi đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Lâm Thị T trả cho tôi số tiền đã nhận là 135.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

***Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lâm Thị T và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Lâm Thị T có cho con gái của ông Trương Hồng M là bà Hà Thị T1 vay số tiền 135.000.000 đồng để làm ăn và chi trả việc riêng. Đến thời hạn trả nợ, bà T1 có nhờ ông M trả số tiền 135.000.000 đồng cho bà T qua tài khoản ngân hàng của bà T.

Bà T xác định số tiền này ông M chuyển khoản cho bà nhằm mục đích trả nợ thay cho bà T1. Tuy nhiên, vì có hiểu lầm nên ông M đã làm đơn tố cáo bà T ra Công an thành phố Buôn Ma Thuột. Quá trình làm việc, bà Hà Thị T1 thừa nhận và có giấy xác nhận cho bà T về việc nhờ ông M trả nợ thay cho bà T1 số tiền 135.000.000 đồng vào ngày 28/8/2023.

Do vậy, nay ông Trương Hồng M khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 135.000.000 đồng thì bà T không đồng ý.

***Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột trình bày quan điểm:***

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hồng M.

Buộc bà Lâm Thị T trả cho ông Trương Hồng M số tiền gốc là 135.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi bà Lâm Thị T thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “Tranh chấp về giao dịch dân sự”, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Lâm Thị T trả số tiền đã nhận là 135.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận vào ngày 15/5/2023, ông Trương Hồng M có chuyển khoản cho bà Lâm Thị T số tiền 135.000.000 đồng.

Bà Lâm Thị T xác định số tiền này ông M trả thay cho bà Hà Thị T1 và đã được bà Hà Thị T1 xác nhận theo giấy xác nhận ngày 28/8/2023 do bà T1 viết và ký. Tuy nhiên, các nội dung này không được ông Trương Hồng M thừa nhận. Bà T không cung cấp được tài liệu chứng minh trước đó cũng như tại thời điểm ông M chuyển tiền, giữa bà T, bà T1 và ông M có giao dịch thoả thuận ông M trả nợ thay cho bà T1 số tiền là 135.000.000 đồng. Tại Giấy xác nhận ngày 28/8/2023, chỉ có bà Hà Thị T1 xác nhận nội dung ông M trả nợ thay nhưng không có sự xác nhận từ ông Trương Hồng M. Mặt khác, tại các nội dung tin nhắn qua mạng xã hội Zalo đã được các bên thừa nhận thì: Ông Trương Hồng M không có bất cứ nội dung nào thừa nhận tiền chuyển nợ thay cho bà T1, bà T cam kết có tiền sẽ chuyển trả ngay cho ông M.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ thu thập và đã được đối chất, được tranh tụng tại phiên toà đã có đủ cơ sở xác định bà Lâm Thị T có vay số tiền 135.000.000.000 đồng và chưa trả cho ông Trương Hồng M. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương hồng M về việc buộc bà Lâm Thị T trả số tiền đã nhận là 135.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi của ông Trương Hồng M, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, tại các tin nhắn đã được các bên thừa nhận, bà Lâm Thị T xác định sẽ trả lãi suất đầy đủ cho ông M. Như vậy, có căn cứ xác định

giữa các bên có thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên, ông Trương Hồng M không cung cấp được tài liệu thể hiện các bên thoả thuận mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Căn cứ quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông Trương Hồng M với mức 10%/năm kể từ ngày chuyển tiền là ngày 15/5/2023 là phù hợp. Cụ thể: 135.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 02 tháng 07 ngày = 16.012.500 đồng.

[2.3] Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- *Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: Điều 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;*

- *Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hồng M.

Buộc bà Lâm Thị T trả cho ông Trương Hồng M số tiền gốc là 135.000.000 đồng và tiền lãi là 16.012.500 đồng.

Tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất là 10%/năm quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi bà Lâm Thị T thanh toán xong khoản nợ.

- *Về án phí:* Bị đơn bà Lâm Thị T phải chịu 7.551.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hải An**

